

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	778.45	↑ 5.13	↑ 0.66
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	660.95	↑ 2.52	↑ 0.38
PVN ALLSHARE	644.1	↑ 2.45	↑ 0.38
PVN ALLSHARE HNX	572.22	↑ 6.88	↑ 1.22
PVN ALLSHARE HSX	688.8	↑ 1.83	↑ 0.27
PVN Vật Liệu Cơ Bản	965.22	↓ -5.8	↓ -0.6
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	830.99	↑ 7.04	↑ 0.85
PVN Tài Chính	587.73	↑ 5.59	↑ 0.96
PVN Công Nghiệp	498.81	↑ 14.13	↑ 2.92
PVN Dầu Khí	616.54	↑ 1.46	↑ 0.24
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	653.45	↑ 11.17	↑ 1.74

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	408.72 ↑	1.44	0.35%
KLGD (triệu ck)	43.56 ↑	20.80	91.36%
GTGD (tỷ đồng)	661.01 ↑	323.95	96.11%
Tổng cung (triệu ck)	62.99 ↑	9.36	17.45%
Tổng cầu (triệu ck)	78.06 ↑	14.02	21.89%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.69 ↓	-0.51	-42.69%
KL bán (triệu ck)	1.15 ↓	-0.93	-44.70%
Giá trị mua (tỷ đồng)	21.21 ↑	0.82	4.02%
Giá trị bán (tỷ đồng)	36.02 ↓	-9.77	-21.34%

Nhận định thị trường:

Chiều 12/7, Ngân hàng Nhà nước tổ chức buổi trao đổi với báo giới về thực tế nợ xấu của hệ thống hiện nay. Cụ thể, đến ngày 31/5/2012, nợ xấu theo báo cáo của các tổ chức tín dụng là hơn 117.000 tỷ đồng, chiếm 4,47% so với tổng dư nợ. dư nợ cho vay đầu tư kinh doanh bất động sản đến cuối tháng 5/2012 là khoảng 197.000 tỷ đồng. Nợ xấu ở mảng này chiếm tỷ lệ khoảng 10,3% tổng tổng nợ xấu của ngân hàng. Giá trị tài sản đảm bảo cho nợ xấu trong dư nợ bất động sản lên tới 180% dư nợ. Những con số công bố trên cũng phần nào cho thấy tầm ảnh hưởng quan trọng của thị trường BĐS tới nợ xấu hệ thống ngân hàng.

Về tình hình thị trường BĐS, theo kết quả khảo sát thị trường bất động sản Tp.HCM trong quý 2/2012 của Savills cho thấy của thị trường vẫn tiếp tục đà sụt giảm ở khá nhiều phân khúc. Thị trường giao dịch tập trung tại phân khúc giá thấp khi có hơn 70% của tổng căn hộ đã bán có mức giá dưới 20 triệu đồng/m². Thanh khoản thị trường ở phân khúc cao cấp tiếp tục giảm.

NHNN chỉ đạo các NH giảm các mức lãi suất của hợp đồng vay cũ (chưa đến hạn đáo hạn) xuống dưới 15%, tuy nhiên chưa có quyết định hay văn bản pháp lý ràng buộc. Mặt khác, nhiều NH lớn đã tự giác hạ các mức lãi suất cho vay theo như chỉ đạo của NHNN, tiêu biểu như Eximbank, Vietcombank, Sai Gòn – Hà Nội (SHB), Agribank... Đánh giá về ảnh hưởng của trạng thái này, việc giảm lãi suất các gói vay cũ về 15% trong tháng 7 có thể làm giảm đáng kể lợi nhuận các NHTMCP nhỏ mà chủ yếu từ các HĐ giải ngân cuối 2011 đầu 2012 (tại thời điểm đó, Ls đầu vào thấp nhờ tái cấp vốn trong khi đầu ra ở mức rất cao, chênh lệch lãi suất lớn). Các NH có qui mô lớn như VCB, BIDV, Agribank v.v... có thể sẽ có lợi ích lớn trong tương lai nếu thực hiện giảm mạnh lãi suất cho vay một cách đồng loạt nhưng lợi ích chủ yếu lại từ khả năng tăng thị phần trên thị trường và khả năng giải ngân khi đang có lợi thế về nguồn vốn. Mặt khác, với các NH lớn thì lợi nhuận có thể sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể khi giảm lãi suất vì trước đó khá lâu NHNN đã giới hạn chênh lệch lãi suất cho vay 4 lĩnh vực khuyến khích không quá 3% so với trần huy động.

Chỉ số hai sàn bắt đầu xuất hiện tín hiệu tích cực hơn nhờ phiên phục hồi ngày hôm nay, tuy nhiên chưa đủ để khẳng định xu thế giảm đã kết thúc. Yếu tố tích cực đến từ tín hiệu tăng của thanh khoản cũng như phân kỳ tích cực trên công cụ dòng tiền Money Flow Index là những đặc điểm cho thấy sức cầu bắt đầu mạnh dần lên dù còn duy trì mức rất thấp. Tuy nhiên nếu trong những phiên sắp tới VN-index không vượt trở lại ngưỡng 411 và HNX-Index còn ở dưới 70 điểm thì xu thế giảm vẫn sẽ còn tiếp tục duy trì.

Công Ty CPCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.32 ↑	0.73	1.06%
KLGD (triệu ck)	34.51 ↑	13.82	66.82%
GTGD (tỷ đồng)	294.73 ↑	98.30	50.04%
Tổng cung (triệu ck)	45.22 ↑	10.26	29.34%
Tổng cầu (triệu ck)	52.07 ↑	10.17	24.27%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.77 ↓	-0.62	-44.48%
KL bán (triệu ck)	1.50 ↑	1.11	280.49%
Giá trị mua (tỷ đồng)	6.15 ↓	-5.08	-45.22%
Giá trị bán (tỷ đồng)	15.03 ↑	10.37	222.19%

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

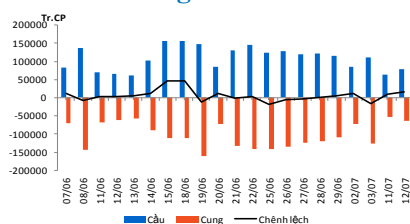
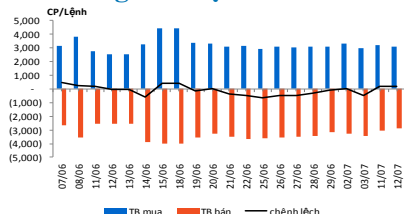
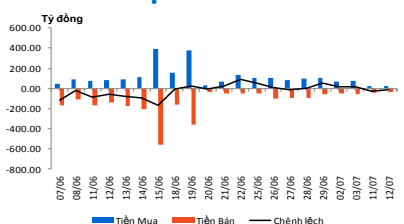
Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Xu thế của HNX-index vẫn đang là giảm, nhưng xuất hiện tín hiệu tích cực từ yếu tố dòng tiền.

- Xu thế của HNX-Index vẫn đang là giảm.

Những dấu hiệu tích cực đầu tiên bắt đầu xuất hiện, cụ thể:

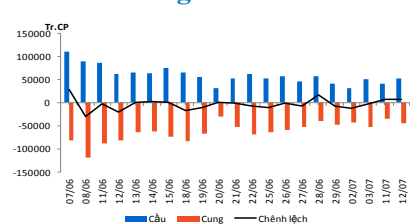
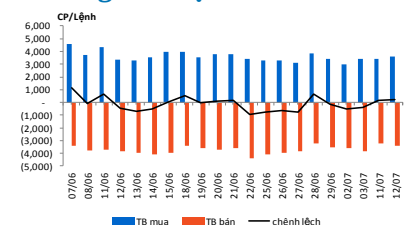
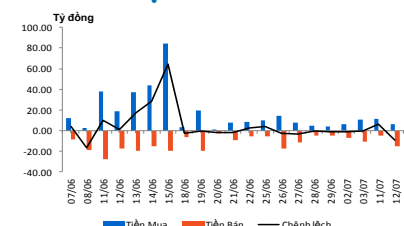
- HNX-Index có dấu hiệu hình thành mô hình 2 đáy nhỏ với điểm break out hoàn thiện nằm ở ngưỡng 70 điểm.
- Thanh khoản có dấu hiệu cải thiện nhẹ. Như đã phân tích trước đó, trạng thái phục hồi từ HNX-Index hiện tại chiếm vai trò quan trọng hơn so với thanh khoản trong thời điểm mà KLGD đã cạn kiệt như hiện tại.
- Công cụ dòng tiền MFI tạo một phân kỳ tích cực (Positive Divergence) và vượt mốc 30 cho thấy tín hiệu tích cực từ sức cầu.
- Các đường DI+ DI- bắt đầu có dấu hiệu đảo chiều.

Nhìn chung, HNX-Index cần tiếp tục duy trì trạng thái tích cực này và tăng vượt 70 điểm mới có thể tạo ra tín hiệu MUA. Nếu tiếp tục dao động và yếu đi, HNX-Index sẽ vẫn nằm trong xu thế giảm.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Mặc dù một vài mã vốn hóa vừa và nhỏ tăng giá như AGR, ASM, BRC, BSI, CCI, CII... tổng cộng hơn 50 mã sau 15 phút mở cửa, nhưng sự phân hóa mạnh của các mã trụ cột như VIC, HAG giảm giá, BVH, MSN, VNM, SSI... đứng yên nhưng cũng có nguy cơ giảm điểm vì bên bán khá mạnh. Điều này làm cho VN-Index đánh mất 0.78 điểm trong đợt khớp lệnh thứ nhất, tương ứng 0.19% xuống 406.5 điểm. Giao dịch chỉ vồn vện 856,000 đơn vị, tương đương 11.55 tỷ đồng.

Cuối buổi sáng, đà tăng trở lại đối với các trụ cột BVH, VIC, VCB, SSI, GAS giúp VN-Index mở rộng biên độ tăng lên 408.81 điểm. Kết thúc phiên, mức tăng của VN-Index lại khá khiêm tốn, chỉ có 0.35%, tức 1.44 điểm và đóng cửa tại 408.72 điểm. Thanh khoản toàn phiên đạt 43.56 triệu đơn vị, tương đương 661 tỷ đồng nhưng có đến 19.36 triệu đơn vị giao dịch thỏa thuận, trị giá 360.82 tỷ đồng.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở đầu phiên giao dịch, lượng giao dịch khiêm tốn, số mã tăng lại lần át các mã giảm (38/12) làm cho HNX-Index tăng 0.08 điểm sau 15 phút mở cửa lên mức 68.67 điểm. Giao dịch đạt 1.9 triệu đơn vị, tương đương 17.27 tỷ đồng.

Kết thúc phiên sáng, HNX-Index giảm 0.02 điểm, tương đương 0.03% xuống 68.57 điểm. Thanh khoản HNX đạt gần 17 triệu đơn vị, tương ứng 141 tỷ đồng.

Cuối phiên, HNX-Index tăng mạnh đến 0.73 điểm, tương ứng 1.06% chốt phiên 69.32 điểm. Thanh khoản cải thiện so với phiên trước, đạt 34.5 triệu đơn vị, trị giá 294.74 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận đến 180 mã tăng giá, trong đó 54 mã tăng kịch trần. Ở chiều ngược lại có 51 mã giảm và 169 mã đứng yên. Đặc biệt, DCS và SHS tăng kịch trần với dư mua áp đảo, giao dịch cả phiên đều đạt trên 1 triệu đơn vị. Các mã chủ chốt cũng tăng khá mạnh và giao dịch sôi động với vài triệu đơn vị trở lên như VND, PVX, KLS, SCR, HBB....

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 17 cổ phiếu tăng giá và 8 cổ phiếu đứng giá và chỉ có 3 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PTL (tăng 4,65%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 1.45% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,394 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 12/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,900.0	-	↔ 0.00	0.52	15.95	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,100.0	4,400	↔ 0.00	0.30	28.18	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	4,500.0	327,200	↑ 4.65	0.26	0.44	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,800.0	273,100	↑ 2.46	1.71	1.38	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	9,100.0	83,000	↑ 2.25	0.84	5.76	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	↔ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,900.0	23,400	↑ 4.26	0.48	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	14,100.0	95,000	↑ 3.68	0.84	2.11	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	10,500.0	893,275	↑ 1.94	1.84	4.79	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,600.0	162,800	↑ 2.91	0.68	7.63	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	16,000.0	32,504	↔ 0.00	0.69	8.08	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	5,400.0	1,000	↓ -1.82	0.52	2.54	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	14,900.0	188,250	↑ 1.36	1.26	3.98	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,300.0	4,392,254	↑ 3.33	0.41	3.50	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,900.0	2,830	↑ 0.26	3.06	12.15	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33,300.0	86,530	↓ -0.60	1.99	5.38	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,000.0	148,220	↔ 0.00	1.19	3.16	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,000.0	14,490	↔ 0.00	0.60	5.11	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,800.0	125,850	↑ 0.85	0.67	2.91	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	32,500.0	13,610	↑ 1.88	1.59	4.59	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,500.0	189,070	↑ 4.65	0.44	3.49	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,500.0	77,240	↓ -0.89	1.13	6.58	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	11,800.0	381,250	↑ 1.72	1.04	14.94	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,000.0	747,400	↑ 4.17	0.51	45.45	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,800.0	48,870	↑ 1.75	0.56	3.87	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,600.0	38,990	↔ 0.00	0.51	2.92	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,500.0	38,640	↔ 0.00	0.79	3.15	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,600.0	5,740	↑ 1.82	0.51	3.68	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	↔ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	↔ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	↔ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	22,100	22,200	0.45	30,227,193
SSI	19,200	19,400	1.04	15,686,116
ITA	6,600	6,800	3.03	14,057,220
BMC	43,500	45,600	4.83	11,354,571
VNE	6,900	7,000	1.45	9,662,734

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	9,000	9,300	3.33	40,009
VND	9,400	9,800	4.26	35,797
KLS	9,200	9,400	2.17	26,202
SCR	9,100	9,600	5.49	21,356
ACB	25,600	25,500	-0.39	12,173

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,500	1,600	100	6.67
CMX	4,000	4,200	200	5.00
SBT	16,000	16,800	800	5.00
IFS	6,000	6,300	300	5.00
VPK	10,100	10,600	500	4.95

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
AGC	600	700	100	16.67
SDG	30,000	32,100	2,100	7.00
S12	4,300	4,600	300	6.98
IDJ	4,300	4,600	300	6.98
QTC	18,700	20,000	1,300	6.95

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
GDT	14,100	13,400	-700	-4.96
SGT	6,100	5,800	-300	-4.92
GIL	41,700	39,700	-2,000	-4.80
LGC	16,800	16,000	-800	-4.76
AGD	49,300	47,000	-2,300	-4.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SFN	10,100	9,400	-700	-6.93
SDE	8,900	8,300	-600	-6.74
WCS	33,000	30,800	-2,200	-6.67
HHG	3,100	2,900	-200	-6.45
DLR	10,900	10,200	-700	-6.42

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	13,500	VNM	13,500
VCB	2,670	BVH	4,108
KBC	927	VIC	3,196
HBC	585	STB	2,876
NTL	471	HAG	1,970

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	1,918	KLS	10,165
HBB	1,380	AAA	1,056
VC1	853	VNR	871
KLS	563	SDT	615
VCS	215	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339